TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**83/**2024/HNGĐ-PT
Ngày: 10/6/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Ông Hoàng Chí Nguyện**
Bà Nguyễn Bích Hạnh
Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thúy Hương**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 04 và 10/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 131/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 360/2023/HNGĐ-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 228/2023/QĐXX-PT ngày 18/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2023/QĐ-HPT ngày 16/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐ-PT ngày 07/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2023/QĐ-HPT ngày 26/12/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 183/TB-TA ngày 15/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐ-HPT ngày 07/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐ-HPT ngày 15/5/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 22/5/2024, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ông H, sinh năm 1959.

HKTT: P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội;

Nơi cư trú: Số 1 ngách 19 ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H:Luật sư Lưu Viết Hiếu, Luật sư Trần Thị Kim Hồng – Công ty luật TNHH Đức Minh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Bà L, sinh năm 1966.

HKTT: P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Khắc Bảo và Luật sư Lê Ngọc Anh – Văn phòng luật sư Mỹ Đức, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bà ML, sinh năm 1955 và ông H, sinh năm 1948.

Đều cư trú: Số 30/82 phố Yên Lãng, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà ML, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Số 30/82 phố Yên Lãng, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội. Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông H trình bày:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày 19/3/1991. Quá trình chung sống, vợ chồng sau khi kết hôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống, về kinh tế. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà L.

2. Về con chung: Tôi và bà L có 02 con chung là: MH, sinh ngày 17/11/1991 và MH1, sinh ngày 03/01/1997. Các con chung của chúng tôi đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Vợ chồng tôi ly hôn các cháu ở với ai do các cháu tự quyết định. Ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Tôi và bà L có các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

3.1. Về động sản:

- Về số tiền nhiệm kỳ, thu nhập ở Mông Cổ: tiền nhiệm kỳ của tôi là 900 USD/tháng, bà Liên đi theo chế độ cùng với tôi, thu nhập 450.USD/tháng. Trong thời gian nhiệm kỳ, tổng số tiền thu nhập được tôi đã chi tiêu cho việc sinh hoạt của gia đình và cho các con ăn học hết. Hiện nay tôi không còn khoản tiền riêng nào khác. Trong khi chị Liên cũng đi nhiệm kỳ tại Ấn Độ, cũng có các khoản thu nhập khác nhưng chị Liên lại để riêng, không công khai với tôi nên tôi không được biết. Quan điểm của tôi là tiền nhiệm kỳ, thu nhập của ai người đấy tự quản lý, sử dụng không đặt ra vấn đề chia tài sản này. Hiện nay tôi không có tài liệu gì chứng minh về việc tôi đã chi tiêu số tiền thu nhập trong nhiệm kỳ hai vợ chồng đi Mông Cổ. Đối với số tiền chị Liên đi nhiệm kỳ ở Ấn Độ chị Liên khai đã tiêu hết nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này.

- Xe ô tô Ford Everest, BKS số: 29A 843.69. Trị giá: 300.000.000 đồng. Ly hôn chị Liên yêu cầu chia đôi theo giá trị tôi không đồng ý vì tôi mua xe bằng tiền của cá nhân tôi. Hiện nay tôi không có chứng cứ gì về số tiền này. Chiếc xe này tôi mua năm 2014 với giá 500.000.000 đồng, đăng ký xe mang tên tôi. Hiện nay tôi đang là người sử dụng xe. Tôi vay của chị gái là bà ML số tiền hơn 600.000.000 đồng để mua cả xe ôtô và xe máy vào năm 2015, không có giấy vay tiền nhưng nếu cần thì tôi bảo chị Liên viết giấy. Việc vay tiền chị L không hề biết. Hiện nay tôi còn nợ chị ML 100.000.000 đồng từ khoản vay này. Việc vay nợ này anh Hường chồng chị Liên cũng không biết. Tuy nhiên, tôi không yêu cầu chị L phải cùng tôi trả số tiền nợ trên cho chị ML.

- Xe máy Honda SH, BKS: 29-E1 655.86. Trị giá: 20.000.000 đồng. Ly hôn chị Liên yêu cầu chia đôi theo giá trị tôi không đồng ý vì tôi mua xe bằng tiền của cá nhân tôi. Hiện nay tôi không có chứng cứ gì về số tiền này. Xe máy này tôi mua năm 2013 với giá gần 100.000.000 đồng, đăng ký xe mang tên tôi. Xe này tôi đang là người sử dụng.

3.2. Về bất động sản:

- 100 m^2 đất ở Đông Anh, Hà Nội, tôi đã đưa cho chị Liên 600 triệu để mua. Hiện nay giấy tờ đất chị Liên đang giữ nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Căn hộ tập thể tại P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Sổ đỏ mang tên hai vợ chồng) có diện tích theo giấy chứng nhận là 35,1m^2; tổng diện tích cả phần cơi nới là 80m^2. Nguồn gốc của căn hộ này là của bố đẻ bà Liên để lại cho chung hai vợ chồng tôi, có biên bản họp gia đình. Tôi đề nghị căn hộ này chia bằng hiện vật, chia đôi theo diện tích.

- Về nhà đất tại tổ 18 (tổ 6 mới), ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội: Năm 2006, vợ chồng tôi mua của em gái tôi là MH2100m^2 với giá 100.000.000 đồng có giấy viết tay nhưng tôi để mất, phần của vợ chồng tôi là nằm phía bên trong, 100m^2 đất còn lại là của chị gái tôi là ML mua của chị Hạnh cùng năm 2006, phần của chị Liên nằm phía bên ngoài. Việc chia đôi này được thỏa thuận khi mua bán. Khi mua bán thì các bên không đo đạc diện tích thực tế nhưng có vẽ sơ đồ phần đất của hai chị em. Chị Hạnh mua là 200m^2 nên chúng tôi nghĩ là mỗi người một mua nửa là 100m^2 và sau khi xây tường bao thì phát hiện ra chỉ còn 180m^2 do đã mất một phần diện tích đất để làm đường. Khi làm đường vào phần đất của chị Liên ở phía bên ngoài giáp đường thì toàn bộ diện tích đất của chị ML và tôi còn 176,9m^2. Sau đó đến năm 2009 thì có xây tường bao xung quanh thửa đất, nhưng vì là chị em ruột nên chúng tôi không xây tường phân định rõ giữa hai thửa đất. Đến khi chị Liên

yêu cầu giải quyết về chia nhà đất thì năm 2021 chị Liên mới xây tường phân định giữa hai thửa đất, thửa đất của vợ chồng tôi còn 90m2 và chị Liên còn 90m^2. Thực tế khi đo đạc phần tường lửng bên ngoài còn 76,9m^2 còn phần nhà tôi là 100m^2 và tôi có xây cổng sang phần đất nhà chị Liên vì tôi phải làm cửa rộng thì ôtô mới vào được nên khi xây tường lửng phải xây lấn sang phần đất của chị ML. Tường bao của toàn bộ thửa đất của tôi và chị Liên đều nhờ người xây tường bao nhưng không có tường ngăn giữa hai thửa đất. Đến năm 2014 thì tôi có sửa chữa cải tạo thửa đất của vợ chồng tôi như hiện nay còn phần đất của chị gái ML thì vẫn còn nguyên. Để có nơi để ô tô thì tôi có nhờ chị Liên cho tôi để ôtô vào phần đất đó. Từ khi mua đến nay chị ML không sinh sống tại mảnh đất này, có trồng cây tại thửa đất. Chị L không hề biết việc chị ML đã xây dựng tường bao và phân chia diện tích thửa đất giữa tôi và chị Mỹ Liên. Chị L không hề có công sức đóng góp gì để mua thửa đất hay xây dựng nhà cửa trên thửa đất này.

Tôi khẳng định hai con chúng tôi là cháu Hoa và cháu Huyền không có bất kỳ đóng góp gì đối với toàn bộ tài sản chung của vợ chồng tôi.

Tôi sinh sống thường xuyên từ năm 2015 tại thửa đất đó cho đến nay. Tôi không hề biết việc Ủy ban nhân dân phường Quảng An thu thập thông tin, đo đạc và làm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Có việc địa chính phường đến đo đạc thửa đất nhưng tôi không biết để làm về việc gì. Khi chị Liên và tôi ly hôn ở Tòa vào năm 2021 có tranh chấp thửa đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, tôi có thông báo cho chị ML thì chị Liên đã làm việc với UBND phường Quảng An và Tòa án Đống Đa để khẳng định quyền sở hữu phần đất của mình.

Vợ chồng tôi không mua đất của ông Hồ Việt Hưng, ông Hưng không có quyền sở hữu một mét vuông đất nào trong mảnh đất này.

Tôi đề nghị Tòa án xác định diện tích thửa đất 176,9m^2 còn lại vợ chồng tôi và chị ML chia đôi mỗi bên là 88,45m^2. Phần của vợ chồng tôi thì đề nghị Tòa án chia đôi và tôi thanh toán giá trị cho chị Liên số tiền 11.430.000 đồng, tôi là người được sử dụng nhà đất này.

Tôi có gửi đơn đề nghị đến Tòa án ngày 24/03/2023, nay tôi xin rút đơn này và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đề nghị chị Liên trả lại cho tôi 500.000.000 đồng tiền tôi đã bỏ ra xây nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội; tiền chị Liên đi nhiệm kỳ ở Ấn Độ với số tiền 1.380.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi mảnh đất diện tích 100m^2 ở Đông Anh.

Tôi đồng ý với kết quả định giá của Tòa án và không đề nghị tiến hành định giá lại các tài sản đó.

Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung gì khác.

4. Về nợ chung: Tôi và bà L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

5. Về án phí: Tôi tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài những vấn đề trên, tôi không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

**** Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà L trình bày:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác nhận thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như ông H trình bày là đúng. Tôi xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, ông H chuyển về sống ở Âu Cơ còn tôi thì vẫn ở căn hộ tại Vĩnh Hồ. Nay ông H làm đơn xin ly hôn đối với tôi, tôi đồng ý ly hôn với ông H. Đề nghị Tòa án cho chúng tôi được ly hôn.

2. Về con chung: Tôi và ông H có 02 con chung là MH, sinh ngày 17/11/1991 và MH1, sinh ngày 03/01/1997. Các con chung của chúng tôi đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Vợ chồng tôi ly hôn các cháu ở với ai do các cháu tự quyết định. Ly hôn chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Tôi và ông H có các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

3.1. Về động sản:

- Tiền đi nhiệm kỳ, thu nhập của vợ chồng tôi ở Mông Cổ, tiền cho thuê nhà tổng là: 5.003.762.000 đồng. Sau khi xây nhà ở Quảng An, mua xe ôtô, xe máy và số tiền cho các con ăn học số tiền còn lại là: 3.003.162.000 đồng. Tôi yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền này.

- Xe ô tô Ford Everest, BKS số: 29 A 843.69. Trị giá: 300.000.000 đồng. Ly hôn tôi yêu cầu chia đôi theo giá trị, mỗi người một nửa. Tôi khẳng định khi mua ôtô và xe máy thì vợ chồng mới đi nhiệm kỳ về nên đang có tiền, còn đi gửi tiết kiệm ngân hàng nên không có chuyện phải đi vay mượn người khác để mua xe ô tô và xe máy, càng không có chuyện phải vay tiền chị ML. Tôi đồng ý để anh H được tiếp tục sử dụng xe ô tô này.

- Xe máy Honda SH, BKS số: 29-E1 655.86. Trị giá: 20.000.000 đồng. Ly hôn tôi yêu cầu chia đôi theo giá trị, mỗi người một nửa. Tôi đồng ý để anh H được tiếp tục sử dụng xe máy này.

3.2. Về bất động sản:

- Căn hộ tập thể tại P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 444350; Số QĐ cấp: 1756/2005/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 11/7/2005 mang tên bà L, ông H. Nguồn gốc của căn hộ này là của bố mẹ cho hai vợ chồng tôi. Căn hộ này hiện do tôi đang quản lý sử dụng và có mẹ đẻ tôi đang ở cùng. Ly hôn tôi yêu cầu Tòa án chia theo tỷ lệ: 7/3, tôi nhận 7 phần, anh H nhận 3 phần theo giá trị. Tôi xin nhận bằng hiện vật là ngôi nhà và thanh toán bằng giá trị cho anh H vì hiện nay tôi chỉ có một căn nhà này và đang ăn ở sinh sống ở đây cùng mẹ tôi. Tôi không đồng ý chia bằng hiện vật cho anh H vì tôi và anh H không thể chung sống trong cùng căn hộ và căn hộ này diện tích nhỏ không thể cả hai sử dụng chung được.

- Về nguồn gốc nhà và đất ở tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội của vợ chồng tôi đã mua và đã đăng ký chủ sử dụng đất là L và H, số 755/GXN – CNQTH của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Tây Hồ như sau:

Năm 1995, quận Tây Hồ được thành lập, lúc đó em ruột của anh H là MH2đang công tác tại Sở tài chính Hà Nội. Năm 1998, cô Hạnh dẫn tôi đến Quảng An chỉ cho tôi xem khu đất hoang 1.000m^2 và nói em có 200m^2 trong khu đất này.

Năm 2006, cô MH2bán cho vợ chồng tôi 100m^2 ở ngõ 238 Âu Cơ, Quảng An, phần vợ chồng tôi mua là phần phía ngoài giáp ngõ 238 Âu Cơ và đường bê tông. Vào thời điểm đó, một mình tôi đến đưa tiền cho cô Hạnh và nhận được giấy viết tay bằng tờ lịch treo ở trên tường nội dung ghi là: "*Em MH2bán 100m^2 ở Quảng An, Tây Hồ cho vợ chồng anh H và đã nhận đủ số tiền 165.000.000 vnd (Một trăm sáu mươi năm triệu đồng) của chị L đưa. Ngoài ra không có giấy tờ gì khác*". Tôi mang tờ giấy mua bán đất này về nhà đưa cho anh H cất giữ. Khi mua thì không có phân định giữa phần thửa đất của vợ chồng tôi và thửa đất bên trong.

Năm 2009, anh H thường xuyên gọi sang nước ngoài cho tôi, nói là chuyển tiền về Việt Nam cho anh để mua nốt 100m^2 đất của em Hạnh vì chồng chị ML là H muốn mua cho mấy em trai từ quê ra Hà Nội làm xưởng sửa chữa điện nước. Vì không muốn ở cạnh hàng xóm là xưởng sửa chữa sẽ mất vệ sinh và an ninh. Nên tôi gửi tiền nhờ cán bộ đi công tác Ấn Độ cầm về cho anh H 25.000 USD để trả tiền mua nốt 100m^2 đất còn lại của cô Hạnh (có giấy xác nhận của anh Khương, chị Lý và chị Mai, tôi đã nộp cho tòa). Sau này anh H nói cho tôi biết là số tiền tôi gửi về đã được dùng để trả anh Hưng 200 triệu đồng để mua lại 45m^2 đất của anh Hưng gồm cả móng nhà trên đó và trả tiền mua nốt phần đất mà anh H định mua để làm xưởng (tôi không biết anh H trả tiền cho cô Hạnh hay trả tiền cho vợ chồng chị Liên, anh Hường). Giấy tờ mua bán anh H cũng giữ nên tôi không có để nộp cho Tòa án.

Năm 2010, anh H đi công tác ở sứ quán Việt Nam tại Mông Cổ, có gửi cặp đựng giấy tờ ở nhà chị ML, khi vợ chồng tôi kết thúc nhiệm kỳ về Việt Nam không tìm thấy giấy mua bán đất nữa. Tháng 8/2010, tôi kết thúc nhiệm kỳ ở sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ và tháng 9/2010 tôi nhận quyết định của Bộ Ngoại Giao cử đi công tác ở Mông Cổ (theo chế độ phu nhân).

Tháng 01 năm 2011, vợ chồng tôi nhờ anh VH(anh ruột của anh H) lấy tiền thuê nhà ở A3 P308 tập thể Vĩnh Hồ để thanh toán tiền 25 triệu VND (Hai mươi lăm triệu VND) cho việc xây tường bao quanh khuôn viên mảnh đất của vợ chồng tôi ở Quảng An, lúc đó mảnh đất đó chỉ còn 176,9m^2 do mở đường.

Năm 2013, vợ chồng tôi kết thúc nhiệm kỳ ở Mông Cổ về Việt Nam. Năm 2014, vợ chồng tôi lên phường Quảng An và quận Tây Hồ xin được phát quang bụi rậm, chặt cành cưa cây, đốn gốc cây gỗ mục và san nền trong khuôn viên 176,9m^2 mà anh Hưng đã xây tường bao và xin phép được xây nhà. Cán bộ quận Tây Hồ đã đến chụp ảnh vị trí mảnh đất của vợ chồng tôi, tìm lại nguồn gốc mảnh đất nông nghiệp và lý do mà cô Hạnh có 200m^2 đất ruộng trong khi cô Hạnh không phải là người dân đang sinh sống ở Quảng An. Anh H cũng trình bày là mua đất của em ruột trong gia đình nên chỉ có giấy viết tay và đã làm thất lạc. Trong quá trình vợ chồng chúng tôi xây dựng nhà cửa và khuôn viên như hiện nay trên thửa đất thì chị ML cũng không hề phản hồi, tranh chấp gì với chúng tôi. Tường lửng giữa khuôn viên của thửa đất là do anh H xây vào tháng 5/2021 trước khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Diện tích của phần đất bên ngoài chỉ có 76m^2 thì nếu là đất của chị Liên thì chị Liên đã phải có ý kiến phản hồi với chúng tôi.

Năm 2015, sau nhiều lần xin phép thì vợ chồng tôi mới được phép xây nhà cấp 4 trên móng nhà mà anh Hưng đã xây từ năm 2011. Vợ chồng cũng thống nhất chỉ xây nhà trên 45m^2 đất mua lại của anh Hưng mà đã có móng do anh Hưng xây từ trước, ngoài sân lát gạch để xe và để trừ mấy chục m^2 đất không lát gạch để trồng rau sạch. Tôi đã liên hệ thuê cậu Nguyễn Văn Dương xây nhà, xây cao thêm tường rào và xây cổng.

Đầu năm 2016 xây xong nhà, do làm cửa gỗ chậm tiến độ, nhà không có cửa khóa mà đồ đạc đã chuyển một số về nhà mới xây nên vợ chồng tôi phải ở nhà đó mấy hôm chờ lắp xong cửa. Khi ăn Tết âm lịch năm đó xong thì vợ chồng tôi chuyển hẳn về Quảng An để ở. Thời điểm đó cả đại gia đình anh H đã đến chúc mừng vợ chồng tôi là có nhà đất rộng nhất trong mấy anh chị em. Nhưng do anh H không cho tôi đưa mẹ của tôi đến sống cùng, bà bị mất năng lực hành vi dân sự nên tôi phải ở lại nhà Vĩnh Hồ để chăm sóc mẹ tôi. Mấy tháng đầu khi anh H một mình sống ở Quảng An, tôi thường nấu đồ ăn đóng vào hộp để mang cho anh H. Sau đó anh H nói không

cần nấu đồ nữa, đi lại mất thời gian và cũng không đưa cho tôi bộ chìa khóa của nhà Quảng An. Sau này mỗi lần đến nhà tôi phải gọi trước để anh H ra mở cửa.

Ngày 05/10/2016, anh H đã trực tiếp làm các thủ tục kê khai nhân khẩu và khai báo tạm trú tạm vắng cho gia đình tôi ở Công an phường Quảng An (tài liệu đính kèm).

Năm 2017, UBND phường Quảng An thông báo công ty tài nguyên và môi trường sẽ thực hiện đo đạc chi tiết tới từng thửa đất của từng chủ sử dụng ở địa bàn các khu dân cư trong phường và cùng phụ trách tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với đơn vị đo từ khâu vẽ bản đồ đến việc đăng ký kê khai đất đai lần đầu.

Năm 2018, anh H cùng với người phụ trách tổ dân phố, công an và cán bộ địa chính phường Quảng An chỉ mốc giới mảnh đất của vợ chồng tôi cho tổ đo đạc vẽ sơ đồ và đo diện tích đất và nhà trong khuôn viên 176,9m^2. Xác nhận đây là mảnh đất của riêng vợ chồng H và L đang sử dụng, không ai tranh chấp. Sau đó tổ đo đạc đã gửi kết quả đo vẽ và diện tích của từng hộ dân ở tổ 18 ngõ 238 Âu Cơ cho phòng địa chính phường Quảng An.

Năm 2019, UBND phường Quảng An thông báo kê khai đăng ký đất đai lần đầu và tôi là người đi làm thủ tục này, tổ đo đạc đến nhà gặp cả tôi và anh H cùng xác nhận lại nhà ở và đất trong diện tích 179,6m^2 . Cũng năm 2019, vợ chồng tôi nhận được giấy đăng ký chủ sử dụng đất là L và H Việt H, số 755/GXN – CNQTH của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Tây Hồ.

Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do tổng công ty Tài nguyên và môi trường Việt Nam gửi đến UBND phường Quảng An đã ghi rõ thửa đất của riêng vợ chồng tôi và không có tranh chấp, thửa đất số 35, tờ bản đồ địa chính số 23.

Tôi khẳng định mảnh đất 176,9m^2 tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội là thuộc quyền sở hữa của vợ chồng tôi và không liên quan đến ai khác. Bằng chứng là năm 2015 vợ chồng tôi đã mời thầy về xem phong thủy mảnh đất và đối chiếu với tuổi của tôi và anh H để làm lễ. Tôi đã chụp ảnh và đăng công khai trên facebook để các bạn tôi và anh em họ hàng nội ngoại xem, vì mọi người đều có facebook của tôi (có ảnh kèm theo). Năm 2016 xây xong nhà và xây khuôn viên sân vườn, cả đại gia đình anh H đều chúc mừng vợ chồng tôi là có mảnh đất to nhất so với các anh chị em. Từ khi tôi mua đất của cô Hạnh cho đến năm 2021, không ai có ý kiến gì về việc chị ML có đất ở Quảng An và chị Liên cũng chưa từng gọi điện một lần cho tôi nói về mảnh đất đó.

Việc anh H bàn bạc cùng em gái ruột là MH2và chị gái ruột là ML ngụy tạo ra các bằng chứng giả là bịa đặt vô căn cứ nhằm chiếm đoạt phần đất thuộc sở hữu của tôi. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cô MH2và chị gái ruột là ML chỉ là

giấy viết tay giữa 2 chị em ruột, không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương và cũng không có biên nhận số tiền, không đáp ứng các quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung văn bản. Vì vậy không thể được coi là căn cứ để đưa bà ML vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Những điều cô MH2và chị ML khai với Tòa vào ngày 12 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn sai sự thật, vì những lý do sau:

- Cô MH2khai "*bán cho vợ chồng ông H, bà Liên mảnh đất ở phía trong cửa nhìn ra ngõ 238 Âu Cơ*" là sai, vì năm 2014 vợ chồng tôi mua mảnh đất 45m^2 của anh Hưng (anh ruột của anh H) đã xây móng nhà cấp 4 từ những năm 2011 ở mảnh đất phía trong. Năm 2015 vợ chồng tôi xây nhà trên nền móng có sẵn và đang ở đến bây giờ.

- Bà ML khai là "*mua phần đất ở phía ngoài giáp đường đi ra nghĩa trang chỉ có cây cối sau đó tôi mới xây mái che và cửa vào năm 2010"* là sai, vì năm 2014 vợ chồng tôi đi phát quang mảnh đất phía ngoài là ao tù, cây dại mọc um tùm và có rất nhiều rắn rết, lúc đó không có mái che và không có cửa nào ở mảnh đất phía ngoài. (Thể hiện qua ảnh trên facebook và qua giấy biên nhận của Dương xây dựng).

- Bà Liên khai "*mảnh đất của ông H, bà Liên khi mua đã có nhà cấp 4 nhỏ*" cũng mâu thuẫn với lời khai của cô Hạnh là "*phần đất của ông H chỉ có cây cối, không có nhà cửa gì cả*". Sự thật là năm 2006, khi cô Hạnh dẫn vợ chồng tôi đến xem để mua thửa đất chỉ là đất trũng và bụi rậm, không có ranh giới của thửa đất.

- Bà Liên khai "*tường lửng như hiện nay để phân định giữa hai thửa đất của nhà bà và nhà ông H và bà Liên xây vào năm 2009*" là sai vì tháng 6 năm 2021 khi có Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với mảnh đất ở Quảng An của vợ chồng tôi, thì anh H mới tự ý xây bức tường lửng để chia ranh giới. Thời điểm đó ai cũng nhận thấy vết trát xi măng vẫn còn mới (so sánh ảnh năm 2020 chưa có tường ngăn và ảnh 2022 có tường ngăn).

Đề nghị Toà phân chia theo tỷ lệ: 50/50, tôi sử dụng 50% diện tích trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do tổng công ty Tài nguyên và môi trường Việt Nam gửi đến UBND phường Quảng An. Tiền đóng phí cho tổ dân phố từ năm 2019 cho đến nay là tôi đóng.

Tôi đề nghị Tòa án xác định diện tích thửa đất 176,9m^2 tại ngõ 238 Âu Cơ là tài sản chung của vợ chồng và chia đôi diện tích này cho vợ chồng tôi bằng hiện vật. Tôi không đồng ý anh H thanh toán tiền cho tôi vì diện tích đất rộng và có 02 mặt ngõ thì có thể chia bằng hiện vật được.

Tôi đồng ý với kết quả định giá của Tòa án và không đề nghị tiến hành định giá lại các tài sản đó.

Ngoài các tài sản trên, vợ chồng chúng tôi không còn tài sản chung nào khác.

4. Về nợ chung: Tôi và ông H không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài những vấn đề trên, tôi không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà ML trình bày:***

Tôi mua một phần thửa đất với diện tích 100m^2 của bà MH2(là em gái bà) tại địa chỉ lô đất xóm 3 xã Quảng Bá, quận Tây Hồ, Hà Nội (nay là tổ 6 ngõ 238 Âu Cơ, đường nước Phần Lan kéo dài) vào ngày 12/10/2006 với giá 1 triệu đồng/m^2, tổng số tiền là 100.000.000 triệu đồng. Ông H, bà Liên cũng mua 100m^2 đất tại thửa đất này vào năm 2006. Phần diện tích đất của tôi ở phần ngoài còn của ông H, bà Liên ở phía trong. Phần đất của tôi chỉ có cây cối sau đó tôi mới xây mái che và cửa vào năm 2010. Phần đất của ông H, bà Liên khi mua có nhà cấp 4 nhỏ sau đó ông H, bà Liên mới cải tạo xây dựng như hiện nay. Sau khi mua thửa đất thì đến năm 2009 tôi và gia đình ông H, bà Liên có nhờ ông Nguyễn Cao Khải là hàng xóm phía bên trong xây tường bao xung quanh thửa đất, chứ trước đây xung quanh thửa đất không có tường bao, chỉ có cây cối. Tuy nhiên khi xây tường bao thì bị hao hụt còn lại khoảng 180m^2, tường lửng là phân định giữa hai thửa đất của tôi và nhà ông H. Diện tích của nhà tôi và nhà ông H còn khoảng 90m^2. Chi phí xây tường bao hết khoảng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tôi và anh H mỗi người thanh toán một nửa cho ông Khải.

Tường lửng như hiện nay để phân định giữa hai thửa đất của nhà tôi và nhà ông H, bà Liên vào năm 2009. Khi xây tường bao thì nhà ông H xây nhà như hiện nay. Phần đất của nhà tôi giáp đường đi ra nghĩa trang và ngõ 238 Âu Cơ. Phần diện tích đất của tôi là đất nông nghiệp 5% nên tôi không làm bất kỳ thủ tục đăng ký, hay thông báo gì với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý về đất đai về việc tôi đã mua một phần thửa đất này. Khi mua phần đất này chồng tôi cũng biết nhưng để cho mình tôi đứng ra giao dịch. Phần diện tích đất của tôi đến nay vẫn còn 90m^2. Còn việc đo đạc diện tích đất để làm các thủ tục của chính quyền phường Quảng An tôi đều không biết. Việc mở đường tôi có biết nhưng tôi khẳng định việc mở đường này không ảnh hưởng đến phần đất của tôi vì tôi đã xây tường bao, cổng từ trước nhưng khi mở đường thì đều không bị ảnh hưởng. Phần đất này tôi vẫn thỉnh thoảng lên kiểm tra.

Tôi không hề biết việc ông H, bà Liên đang tranh chấp tài sản chung là thửa đất tại lô đất xóm 3 xã Quảng Bá, quận Tây Hồ, Hà Nội (nay là tổ 6 ngõ 238 Âu Cơ, đường nước Phần Lan kéo dài) trong đó có phần đất của tôi tại Tòa án. Ông H cũng

không hề thông báo cho tôi biết việc này. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa tôi và bà Hạnh tôi đang giữ bản chính.

Tôi đề nghị Tòa án xác định 90m^2 đất là của tôi, phần còn lại mới là của ông H, bà Liên. Với kết quả đo vẽ Tòa án vừa thông báo toàn bộ diện tích đất hiện nay là 176,9m^2 tôi không đồng ý. Phần đất của tôi từ phía giáp ngoài đường đến tường lửng phải là 90m^2 chứ không thể là 76,4m^2.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông H trình bày:*** Tôi là chồng của bà ML. Tôi có biết vào năm 2005, 2006 vợ chồng tôi có mua một phần thửa đất với diện tích 100m^2 của bà MH2(là em gái bà Liên) tại địa chỉ lô đất xóm 3 xã Quảng Bá, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nay là tổ 6 ngõ 238 Âu Cơ, đường nước Phần Lan kéo dài). Về giá cả khi mua đất thì tôi không nắm được và tôi cũng không trực tiếp tham gia mua bán nhưng tiền mua là của chung vợ chồng. Tôi được biết là mua phần đất bên ngoài còn phần đất bên trong là của vợ chồng anh H, chị Liên mua của Hồ Mỹ Hạnh. Sau đó đến năm 2010, tôi có lên xem đất một lần và khi đó vẫn chưa phân định mốc giới giữa hai thửa đất. Phần đất của vợ chồng tôi không xây dựng gì, xung quanh chỉ là cây cối. Sau đó vợ tôi có xây mái che và cửa vào năm 2010. Tôi rất ít lên thửa đất nên phần đất của ông H, bà Liên có xây dựng nhà cửa gì không thì tôi cũng không biết. Khi mua có nhà cấp 4 nhỏ sau đó ông H, bà Liên mới cải tạo xây dựng như hiện nay. Việc xây dựng tường bao của thửa đất tôi có biết nhưng không nhớ thời điểm xây dựng và việc này đều do vợ tôi ML đứng ra làm. Tôi có biết khi xây tường bao thì bị hao hụt còn lại khoảng 180m^2 là do vợ tôi nói lại. Ai là bên xây dựng tường lửng phân định giữa hai thửa đất của vợ chồng tôi và nhà ông H thì tôi không biết và cũng không biết xây dựng năm nào.

Phần đất của nhà tôi giáp đường đi ra nghĩa trang và ngõ 238 Âu Cơ. Tôi được biết vợ tôi không làm bất kỳ thủ tục đăng ký, hay thông báo gì với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý về đất đai về việc đã mua một phần thửa đất này. Từ khi mua thửa đất đến nay vợ chồng tôi cũng chưa sinh sống tại đó bao giờ vì vợ chồng tôi đã có nhà ở. Từ việc mua bán thửa đất hay làm tường bao, quản lý thửa đất đều do vợ tôi thực hiện. Phần diện tích đất đến nay vẫn còn 180m^2 nên tôi đề nghị các bên thống nhất với nhau để chia đất mỗi bên một nửa. Còn việc đo đạc diện tích đất để làm các thủ tục của chính quyền phường Quảng An tôi đều không biết. Việc mở đường là phía bên ngoài, tôi có biết và theo tôi có ảnh hưởng đến phần đất của hai bên chứ không phải mình đất của vợ chồng tôi.

Tôi không hề biết việc ông H, bà Liên đang tranh chấp tài sản chung là thửa đất tại lô đất xóm 3 xã Quảng Bá, quận Tây Hồ, Hà Nội (nay là tổ 6 ngõ 238 Âu Cơ, đường nước Phần Lan kéo dài) trong đó có phần đất của vợ chồng tôi tại Tòa án. Ông

H cũng không hề thông báo cho tôi biết việc này. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất bản chính giữa bà Liên và bà Hạnh do bà Liên nắm giữ, tôi không biết.

Với đề nghị của bà ML đề nghị Tòa án xác định 90m^2 đất là của bà Liên, phần còn lại mới là của ông H, bà Liên tôi đồng ý với ý kiến của bà ML. Với kết quả đo vẽ Tòa án vừa thông báo toàn bộ diện tích đất hiện nay là 176,9m^2 tôi không có ý kiến gì. Phần đất của vợ chồng tôi từ phía giáp ngoài đường đến tường lửng diện tích bên ngoài hiện nay có diện tích là 76,4m^2 thực ra việc xây dựng tường bao chỉ là tạm thời nên tôi vẫn đề nghị chia đôi diện tích 176,9m^2 cho vợ chồng tôi và vợ chồng anh H, chị Liên.

Người làm chứng là:

1. Bà MH2trình bày: Tôi mua thửa đất với diện tích 200m^2 (tôi và anh Dũng đã đo đạc là đủ diện tích này khi mua bán) tại địa chỉ lô đất xóm 3 xã Quảng Bá, quận Tây Hồ, Hà Nội (nay là tổ 6 ngõ 238 Âu Cơ, đường nước Phần Lan kéo dài) vào năm 1996 của ông Phạm Tiến Dũng. Tôi bán một phần thửa đất với diện tích 100m^2 cho bà ML (là chị gái tôi) vào ngày 12/10/2006 với giá 1 triệu đồng/m^2, tổng số tiền là 100.000.000 triệu đồng. Anh trai tôi là ông H cũng mua của tôi 100m^2 đất tại thửa đất này cũng đồng thời vào năm 2006 với giá 100.000.000 đồng. Tuy nhiên vì là chị em trong nhà nên tôi chỉ làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà ML và ông H nhưng không ghi rõ diện tích đất, giá trị tiền là bao nhiêu. Khi mua bán thì tôi và bà ML, ông H không tiến hành đo đạc lại diện tích đất nhưng có phân định vẽ sơ đồ bằng tay thể hiện phần diện tích đất 100m^2 của bà ML ở phần ngoài còn phần diện tích đất 100m^2 của ông H, bà Liên thì ở phía trong. Khi bán đất cho anh H, chị Liên và chị ML thì phần đất phía trước giáp đường ra nghĩa trang khi đó cũng đã có đường nhưng nhỏ sau đó thì mới mở đường lớn hơn. Trên đất khi đó chỉ có cây cối, không có nhà cửa gì và có tường gạch xây bao quanh cao khoảng 10cm xung quanh toàn bộ thửa đất 200m^2 còn từng phần diện tích của anh H và chị Mỹ Liên thì chưa có phân định rõ ràng. Tôi chỉ bán cho mỗi người 100m^2 và hai bên phải tự phân định rõ từng phần với nhau. Phần đất của bà ML chỉ có cây cối. Phần đất của ông H cũng chỉ có cây cối sau đó mới xây dựng như hiện nay. Tôi khẳng định tôi không bán m^2 đất nào tại thửa đất nêu trên cho anh VHhay bất kỳ ai khác. Sau khi xây tường bao thì bị hao hụt còn lại khoảng 180m^2 tôi có biết việc này. Sau khi bán thì tôi cũng không để ý đến thửa đất này nữa. Tôi khẳng định không có việc chị L gửi tiền về vào năm 2010 để ông H mua 100m^2 đất còn lại của tôi như phía chị L trình bày. Tôi không có thời gian nên tôi đề nghị Tòa án không báo tôi lên lấy lời khai hay tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn của anh H, chị Liên nữa. Những lời khai của tôi ngày hôm nay đều

là đúng sự thật và tôi vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày này nên đề nghị Tòa án xem xét.

2. Ông VHtrình bày: Tôi là anh trai của anh H, chị MH2và là em của chị ML. Tôi khẳng định tôi không có một phần diện tích thửa đất nào tại địa chỉ lô đất xóm 3 xã Quảng Bá, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nay là tổ 6 ngõ 238 Âu Cơ, đường nước Phần Lan kéo dài, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội) nên không có việc bán lại phần đất phía bên trong 100m^2 cho vợ chồng anh H, chị Liên như chị L trình bày tại Tòa án. Tôi có biết việc em gái tôi là MH2bán lại cho chị gái là ML 100m^2 đất phía bên ngoài và bán cho vợ chồng em trai tôi là H và L 100m^2 đất phía bên trong. Việc xây dựng móng nhà vào khoảng năm 2010, 2011 thì anh H có nhờ tôi đứng ra trông coi vườn tược, làm móng nhà. Thời điểm này anh H, chị Liên đều không có mặt ở Việt Nam mà đang đi nhiệm kỳ ở nước ngoài. Anh H là người gửi tiền về cho tôi thanh toán tiền công, vật liệu cho thợ. Khi xây anh H dặn tôi là làm phía đất bên trong với diện tích khoảng 40m^2 – 50m^2. Thời điểm đó tôi chưa thấy có tường hay mốc giới gì phân định giữa hai thửa đất của chị ML và vợ chồng H, Liên. Sau đó, việc anh H, chị Liên xây dựng nhà thì tôi cũng có biết nhưng không liên quan gì.

Đối với vi bằng 3807.2022/VB-TPLHN ngày 02/8/2022 của Văn phòng thừa phát lại Hà Nội do bà L giao nộp cho Tòa án tôi không nhớ là có buổi nói chuyện với bà L vào ngày 17/5/2022 hay không. Tôi không biết việc ghi âm được thực hiện ở đâu, vào lúc nào và nhằm mục đích gì với tôi. Còn thực tế tôi và chị Liên cũng có vài lần nói chuyện với nhau, tôi vẫn qua thăm mẹ chị Liên những dịp thỉnh thoảng khi mẹ chị đau ốm. Còn việc giữa anh H và chị Liên có mâu thuẫn thì tôi không liên quan. Tôi khẳng định vi bằng thể hiện file ghi âm mà chị Liên cung cấp cho Tòa án có lời nói của tôi không có giá trị pháp lý mà những gì tôi trình bày ngày hôm nay tại Tòa án mới có giá trị pháp lý trên cương vị người làm chứng về việc tranh chấp tài sản trong vụ án ly hôn của anh H và bà L. Tôi xác nhận chị Trịnh Thị Vinh là vợ của tôi. Còn việc chị Liên và chị Vinh có nói chuyện với nhau như vi bằng thể hiện thì tôi không biết. Tôi không có thời gian nên tôi đề nghị Tòa án không báo tôi lên lấy lời khai hay tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn của anh H, chị Liên nữa. Những lời khai của tôi ngày hôm nay đều là đúng sự thật và tôi vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 360/2023/HNGĐ - ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã xử và quyết định: Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; các Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 33, 35, 37, 51, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn ly hôn của ông H đối với bà L. Ông H được ly hôn đối với bà L.

2. Về con chung: Xác nhận bà L và ông H có 02 con chung là: MH, sinh năm 1991 và MH1, sinh năm 1997. Các cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ly hôn bà Liên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung: Xác nhận bà L và ông H có những tài sản chung sau đây:

- Số tiền 3.003.162.000 đồng là tiền lương, thu nhập trong thời gian đi nhiệm kỳ tại Mông Cổ hiện tại do ông H đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69.

- 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86.

- 01 căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Phân chia cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 3.003.162.000 đồng mỗi người được hưởng 1/2 là 1.501.181.000 đồng. Ông H phải thanh toán cho bà L 1.501.181.000 đồng.

- Đối với 01 xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69 và 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86 giao ông H được sở hữu nhưng phải thanh toán cho bà L phần trị giá là 100.000.000 đồng.

- Đối với 01 căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giao bà L được quyền sở hữu nhưng phải thanh toán cho ông H phần trị giá là 683.750.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà L có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đất đai để hoàn tất thủ tục sang căn hộ nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Đối với 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội chia bằng hiện vật (có sơ đồ kèm theo), cụ thể như sau:

Ông H được tạm thời quản lý, sử dụng và phải chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu đối với diện tích 88,45m^2 đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3', 6', 1 tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong đó có các công trình gồm:

- Một nhà gạch mái tôn có diện tích 44.5m^2. Giá trị 44.5m^2 x 2.538.000 đồng = 79.058.000 đồng.

- Một sân gạch 30x30 diện tích 13.0m^2. Giá trị 13.0m^2 x 281.000 đồng = 3.653.000 đồng.

- Một mái vảy tôn có diện tích 18.7m^2. Giá trị 18.7m^2 x 1.267.000 đồng = 23.692.900 đồng.

- Hai cửa sắt có diện tích 13.8m^2. Giá trị 13.8 x 527.000 đồng = 7.272.600 đồng.

- Phần tường bao tương ứng với phần diện tích đất được chia.

Tổng giá trị công trình xây dựng ông H được chia là: 113.676.500 đồng.

Bà L được tạm thời quản lý, sử dụng và phải chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu đối với diện tích 88,45m^2 đất giới hạn bởi các điểm 4, 3', 6', 5, 4 tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong đó có các công trình gồm:

- Một sân gạch 30x30 có diện tích 31.0m^2. Giá trị 31.0m^2 x 281.000 đồng = 8.711.000 đồng và một phần sân gạch có diện tích 7.0m^2. Giá trị 7.0m^2 x 281.000 đồng = 1.967.000 đồng.

- Một mái vảy tôn có diện tích 15.7m^2. Giá trị 15.7 x 1.267.000 đồng = 19.891.900 đồng.

- Một cửa sắt có diện tích 7.4m^2. Giá trị 7.4m^2 x 527.000 đồng = 3.899.800 đồng.

- Phần tường bao tương ứng với phần diện tích đất được chia.

Tổng giá trị công trình xây dựng của bà Liên là 34.469.700 đồng.

Ông H phải thanh toán tiền chênh lệch trị giá công trình cho bà L là 59.466.700 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà ML và yêu cầu của ông H về việc chia 88,45m^2 đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

5. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

6. Về nợ: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/5/2023, ông H kháng cáo bản án về toàn bộ phần tài sản.

Ngày 11/5/2023, bà L kháng cáo bản án về phần tài sản với nội dung: Căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có nguồn gốc từ bố mẹ bà cho tặng cho bà và ông H nên đề nghị chia cho bà, mẹ bà và các con của bà 4/5 giá trị nhà và được nhận hiện vật là căn hộ này, còn ông H được 1/5 giá trị căn hộ và bà sẽ thanh toán bằng tiền cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi chí hợp pháp cho ông H và ông H thống nhất trình bày: Ông H đã chứng minh đầy đủ toàn bộ thu nhập chung của vợ chồng ông H và bà Liên trong thời gian ông H đi công tác nhiệm kì tại Mông Cổ, có bà Liên đi theo cùng với chế độ phu nhân từ tháng 06/2010 đến năm 2014, trong tổng số 210.000 USD thì chỉ có 90.000 USD là của vợ chồng ông H bà Liên, số còn lại là tiền của các bạn ông H nhờ gửi từ Mông Cổ về Việt Nam. Số tiền bạn bè gửi ông H đã trả hết cho gia đình những người gửi. Toàn bộ số tiền 90.000 USD là thu nhập chung của vợ chồng ông H quản lý đã được chứng minh bằng việc xác nhận của ông Hoàng Tuấn Thịnh (Nguyên Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Việt Nam tại Mông Cổ) ngày 05/12/2012 do chính bà L là người thân thiết với ông Thịnh đề nghị xác nhận. Toàn bộ số tiền 90.000 USD này ông H giải trình đã chi tiêu hết một cách hợp lý như: mua 01 xe ô tô hết 500 triệu đồng, mua 01 xe máy Honda SH 100 triệu đồng và chi tiền cho 02 con gái ăn học tại Cộng H Liên bang Đức… Bà L chỉ căn cứ vào bản sao kê, giấy đề nghị chuyển tiền quốc tế để xác định ông H quản lý số tiền USD quy đổi sang tiền Việt Nam và số tiền 120.000.000 đồng tiền cho thuê nhà tại P308 A3 Vĩnh Hồ tổng cộng quy ra tiền Việt Nam là 5.003.762.000 đồng. Sau khi trừ khi các khoản tiền ông H đã chi tiêu vào việc nuôi 02 con ăn học, mua ô tô, mua xe máy, xây nhà ở Quảng An còn lại 3.003.162.000 đồng để yêu cầu được chia đôi số tiền còn lại này là không có cơ sở pháp lý để chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã xác định và quyết định ông H và bà Liên có tài sản chung, trong đó có số tiền 3.003.162.000 đồng để chia cho ông H và bà Liên mỗi người 1/2 là 1.051.581.000 đồng là không đúng pháp luật vì số tiền này thực tế không có.

2.2. Về bất động sản:

- Căn hộ P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội có nguồn gốc của bố mẹ bà Liên cho vợ chồng, diện tích 35,1m2 với điều kiện vợ chồng ông H bà Liên phải có trách nhiệm, chăm sóc nuôi dưỡng bố bà Liên khi cụ còn sống và lo ma chay, thờ cúng sau khi cụ mất. Quá trình ở căn hộ này, cả hai vợ chồng ông H đã làm thủ tục sang tên, được cấp GCNQSDĐ mang tên ông H và bà Liên. Sau đó vợ chồng đã cơi nới, cải tạo thành diện tích ở 80m2 được định giá 55m2 là 25.000.000 đồng/m^2, nhưng trên thực tế giá nhà như trên so với giá thị trường ở thời điểm định giá và hiện nay là thấp hơn rất nhiều (giá nhà hiện nay theo thị trường khoảng 80.000.000 đồng/m2). Bản án sơ thẩm chia theo trị giá cho mỗi bên 1/2 nhưng chia cho bà Liên toàn bộ nhà là đã ưu ái với bà Liên rất nhiều.

- Đối với nhà, đất tại Tổ 18 (nay là tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội: Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình tại Tòa án cho thấy ông H xác định chỉ có 100m^2 đất là của vợ chồng ở trong cùng một thửa đất, còn 100m^2 đất là của bà ML (là chị ông H) do hai chị em ông cùng mua lại của em gái là bà MH2từ năm 2006, mỗi người mua 100m^2 đất, có giấy viết tay, là đất nông nghiệp. Còn bà L thì xác định cả 200m^2 đất (đo thực tế 176,9m^2 tại thửa đất trên) là của vợ chồng bà Liên mua của bà Hồ Mỹ Hạnh. Bà Liên khai và xuất trình các tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều đó nhưng bản án sơ thẩm đã bỏ qua những mâu thuẫn, bất hợp lý thậm chí có những chứng cứ và tài liệu bà Liên xuất trình thể hiện sự không trung thực, có dấu hiệu làm giả để ngụy tạo như: Tại đơn trình bày của chị MH ngày 08/01/2022 và chị MH1 ngày 09/01/2022 do bà Liên nộp tại TAND quận Đống Đa ngày 11/01/2022, ông H khẳng định ông không biết và cũng không kí tên vào hai đơn trình bày này của chị Hoa và chị Huyền, bà Liên đã tự viết nội dung "Tôi xác nhận đây là chữ kí và đơn viết của con gái MH, MH1" sau đó scan lại chữ kí, chữ viết của ông H vào đơn này để bà Liên gửi đến Tòa án. Bà L khai và giao nộp đến Tòa án các phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 23/05/2018 và giấy xác nhận đăng kí đất đai ngày 10/07/2019 để khẳng định diện tích thửa đất đo thực tế 176,9m^2 đất là của vợ chồng bà nhưng các tài liệu này đều không có chữ kí xác nhận của ông H dù bà Liên là người đi khai. Bà Liên xuất trình giấy xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố số 18 (nay là tổ 6) phường Quảng An bà L trình bày: "…Năm 2015 vợ chồng tôi xây nhà xong trên mảnh đất 176,9m2 ở Tổ 18, ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội và tháng 03/2016 dọn về ở đến bây giờ…. Ngoài vợ chồng tôi ở đây không còn ai đến ở cùng…" nhưng tại lời khai khác bà Liên lại trình bày: "Năm 2018 anh H cùng với người phụ trách tổ dân phố chỉ mốc giới mảnh đất của vợ chồng tôi cho đo đạc, vẽ sơ đồ và đo diện tích đất và nhà trong khuôn viên 176,9m2 đất… xác nhận đây là mảnh đất của riêng vợ chồng ông H và bà L"; "Khi ăn Tết Âm lịch năm đó xong thì vợ chồng tôi chuyển hẳn về Quảng An để ở…nhưng do anh H không cho tôi đưa mẹ của tôi đến sống cùng, nên tôi phải ở nhà để chăm sóc mẹ…sau này mỗi lần đến nhà tôi phải gọi trước để anh H mở cửa…Năm 2019 UBND phường Quảng An thông báo đăng kí kê khai đăng kí đất đai lần đầu, tổ đo đạc đến gặp cả tôi và anh H, cùng xác nhận lại nhà ở và đất ở trong diện tích 176,9m^2. Cũng vào năm 2019, vợ chồng tôi nhận được giấy đăng kí chủ sử dụng sở hữu đất…". Vi bằng do bà L nộp được lập vào ngày 02/05/2022, lập xong lúc 8:00 ngày 03/05/2022 với nội dung rất ngắn và có nội dung không rõ ràng là bất cập về thời gian lập vi bằng nên không có giá trị pháp lý. Ngoài ra bà L còn khai và xuất trình giấy xác nhận của ông Chu Văn Thọ ngày 19/10/2021: "Đầu năm 2016 vợ chồng chị Liên,

anh H dọn đến sinh sống ở đó đến tận bây giờ" nhưng toàn bộ các lời khai và tài liệu, chứng cứ bà Liên đã nêu trên đều bị ông H, bà Mỹ Liên, ông H, chị Hồ Mỹ Hạnh, ông VHphủ nhận, đồng thời đưa ra chứng cứ, tài liệu để chứng minh thửa đất ở Tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 đo thực tế là 176,9m^2 trong đó có 1/2 (88,45m^2) phía bên ngoài là của bà ML; 1/2 còn lại là của vợ chồng ông H bà Liên. Nhưng bản án sơ thẩm lại quyết định chia cả 176,9m^2 cho ông H, bà Liên mỗi người 1/2 bằng 88,45m^2 là không xem xét đầy đủ và không đánh giá đúng tính chất pháp lý của toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dẫn đến thiếu khách quan, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà ML và ông H. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét theo hướng sửa lại án sơ thẩm đối với toàn bộ phần chia tài sản chung của vợ chồng ông H, bà Liên, cụ thể:

- Về động sản: Hai bên đã tự chi tiêu hết số tiền của vợ chồng mà mỗi người quản lý và sử dụng trong thời gian vợ chồng chung sống. Chia cho ông H sở hữu 01 xe ô tô Ford Everest, 01 xe máy Honda SH nhưng phải thanh toán cho bà Liên 100.000.000 đồng.

- Về bất động sản: Chia cho bà L được sở hữu toàn bộ căn hộ tại P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội; Chia cho ông H sở hữu một nhà cấp 4, sân gạch, mái tôn trên diện tích đất tạm sử dụng 88,45m^2 đất phía bên trong tại Tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội và ông H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch chia tài sản chung cho bà Liên 59.466.700 đồng.

- Về án phí, miễn toàn bộ án phí cho ông H vì ông đã là người cao tuổi.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi chí hợp pháp cho bà L và bà L thống nhất trình bày:

1. Căn hộ tập thể P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, TP Hà Nội có nguồn gốc là do cụ Nguyễn Vinh Tuyên (bố bà Liên) được Cục phục vụ ngoại giao Đoàn - Bộ Ngoại Giao cấp cho năm 1973. Đây là tài sản riêng của gia đình cụ Nguyễn Vinh Tuyên. Trong đó có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị Mậu (mẹ bà Liên và ông Nguyễn Vinh Chung - em bà Liên). Năm 1997, cụ Nguyễn Vinh Tuyên mất, những người ở là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Vinh Tuyên chưa có ý kiến gì đến quyền lợi của mình và cũng chưa có giấy tờ tặng cho ai.

Tại Văn bản số 425/KDNĐĐ về việc chuyển giao quỹ nhà ở sang ngành nhà đất, Công ty kinh doanh nhà số I, xí nghiệp kinh doanh nhà Đống Đa ngày 17/9/2004 chuyển giao nhà và bán nhà theo Nghi định 61/CP cho hộ bà L.

Ngày 29/10/2004, bà Liên đã tự ý ký hợp đồng mua bán nhà với Công ty kinh doanh nhà số I theo hợp đồng số 3682/ HĐMB. Nguồn tiền cho việc mua nhà là miễn

giảm theo chế độ chính sách của cụ Nguyễn Vinh Tuyên, theo QĐ118/TTg, theo quyết định 64/1998/QĐ-TTg, được trừ tiền ưu đãi theo năm công tác của cụ Nguyễn Vinh Tuyên. Thực tế bà Liên không phải nộp đồng nào cho việc mua căn hộ này. Đây là tài sản riêng của gia đình cụ Nguyễn Vinh Tuyên. Trong Hợp đồng mua bán chỉ có tên bà Liên đại diện cho cả hộ gia đình, nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 444350, cấp ngày 11/07/2005 lại có tên cả ông H là ngoài ý muốn của toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Vinh Tuyên, gồm mẹ bà Liên là cụ Nguyễn Thị Mậu và em trai bà Liên là ông Nguyễn Vinh Chung. Đây không phải là tài sản chung của vợ chồng ông H và bà Liên nên không thể chia. Hiện tại mẹ bà Liên là cụ Nguyễn Thị Mậu đã mất, nếu chia là vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Vinh Chung. Bà Liên phải có trách nhiệm làm thủ tục sửa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 444350 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan.

Theo đơn kháng cáo của bà L và theo ý kiến của bà Liên tại phiên tòa thì bà mong muốn chia phần diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận là 35,1m^2 làm 5 phần, trong đó bà Liên, em trai bà Liên và các con của bà Liên nhận 4 phần, ông H nhận 1 phần. Đồng thời bà Liên đề nghị Tòa xác định giá trị phần diện tích cơi nới ngoài diện tích ghi trong Giấy chứng nhận để chia cho bà Liên và ông H theo tỷ lệ 50/50 vì phần cơi nới này là do 2 vợ chồng bà có công cải tạo và duy tu. Bà Liên xin nhận hiện vật là căn hộ để làm nơi thờ cúng bố mẹ bà.

2. Về nguồn gốc nhà và đất ở tổ 18 ngõ 238 Âu Cơ, P. Quảng An, Q. Tây Hồ, Hà Nội diện tích 176.9m2 là vợ chồng ông H, bà Liên mua của em gái ông H là bà MH2100m^2 lần đầu vào năm 2006. Bà Hạnh cũng như ông H đã thừa nhận. Năm 2007, bà Liên đi nhiệm kỳ công tác Ấn Độ. Năm 2009, bà Liên chuyển tiền về Việt Nam cho ông H để mua thêm 100 m^2 đất của bà Hạnh (Số tiền 25.000 USD có xác nhận của cán bộ đi công tác Ấn Độ chuyển đến tay ông H ở Việt Nam). Thời điểm đó, bà Hạnh đã bán 45m^2 cho ông VH(là anh ruột của ông H). Vợ chồng ông VHđã xây móng nhà trên phần đất 45m^2 của ông Hưng, nên ông Hưng đã bán cho ông H bà Liên 45m^2 đất đã có móng nhà với giá 200 triệu, và ông H đã mua nốt 45m^2 còn lại mà anh H chồng chị ML định mua. Việc mua bán trên được ông Hưng thừa nhận tại Vi bằng số: 3807.2022/VB-TPLHN Văn phòng thừa phát lại Hà Nội ngày 03/8/2022. Toàn bộ nhà đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội diện tích 176.9m^2 là tài sản chung của vợ chồng, đã được ông H thừa nhận là của vợ chồng ông, thể hiện tại Bản kê khai nhân khẩu sử dụng đất ngày 05/10/2016 và được Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai quận Tây Hồ xác nhận Đăng ký Đất đai số: 755/

GXN-CNQTH ngày 10/7/2019 và Văn bản ngày 31/12/2021 UBND phường Quảng An phúc đáp văn bản số: 1327/2021 của TAND quận Đống Đa.

Ngày 20/5/2018, ông H đã kê khai vào Phiếu yêu cầu chủ sử dụng đất do UBND phường Quảng An phát để phường tiến hành đo đạc diện tích đất của từng chủ sử dụng đất, ông H đã chỉ mốc giới thửa đất của hai vợ chồng ông cho cơ quan đo đạc vẽ chi tiết bản đồ địa chính và cam đoan là đất riêng của vợ chồng, không có tranh chấp. Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (do ông H kê khai) có xác nhận của công ty đo đạc do tổng công ty Tài nguyên và môi trường Việt Nam gửi đến UBND phường Quảng An đã ghi rõ thửa đất của riêng vợ chồng bà Liên, ông H và không có tranh chấp, thửa đất số 35, tờ bản đồ địa chính số 23.

Quá trình kê khai đăng ký đất đai, triển khai đo đạc biến động bản đồ địa chính trên địa bàn phường, UBND phường Quảng An ra các thông báo lần thứ 5 đến từng hộ gia đình từ năm 2017, không có ai ý kiến tranh chấp thửa đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội diện tích 176.9m^2 của vợ chồng ông H, bà Liên, bản thân ông H cũng không có ý kiến gì về đất của bà ML, bà Hạnh và bà ML cũng không có ý kiến gì.

Vợ chồng bà Liên kê khai và UBND phường hoàn tất các thủ tục. Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai quận Tây Hồ xác nhận Đăng ký Đất đai cho vợ chồng bà Liên, ông H là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

Ngày 22/4/2022, bà ML xuất trình cho tòa 1 giấy viết tay chuyển nhượng giữa em gái bà là bà MH2là hoàn toàn không có cơ sở xem xét. Bởi vì giấy chuyển nhượng không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không được công chứng, chứng thực, thậm chí địa chỉ ghi trong giấy chuyển nhượng viết tay này cũng viết sai địa chỉ. Chúng tôi đã đi xác minh với chính quyền địa phương và tổ dân phố khu vực có thửa đất này, nhưng chưa có bao giờ thửa đất này có địa chỉ như ghi trong giấy chuyển nhượng viết tay giữa chị em bà MH2và ML.

Trong suốt quá trình thụ lý vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, bà ML cũng không có yêu cầu độc lập. Khi tòa án sơ thẩm mở phiên tòa thì bà ML mới có yêu cầu độc lập tại phiên tòa. Sau khi có Bản án sơ thẩm bà ML cũng không có đơn kháng cáo. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà ML phải kiện bằng một vụ kiện khác, với quan hệ pháp luật khác.

Nhà đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội diện tích 176.9m^2 là đất nông nghiệp, chưa có Giấy chứng nhận nên không thể phân chia quyền sử dụng đất được do không có giấy tờ xác nhận về quyền sử dụng đất.

Nếu thuộc trường hợp nhà đất đã đủ điều kiện cấp Sổ đỏ nhưng chưa được cấp và tài sản này được xác định là tài sản chung vợ chồng thì mới có thể phân chia.

Thực tế, nhà đất diện tích 176.9m^2 tại tổ 18 (tổ 6 mới) phường Quảng An, Tây Hồ đã nằm trong quy hoạch, phải giải tỏa, nên sẽ không được cấp Giấy chứng nhận. Tài sản này tài sản chung vợ chồng bà Liên, ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao cho 2 ông bà quản lý, sử dụng và phải chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

Đề nghị HĐXX tiếp tục giao thửa đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội diện tích 176.9m^2 cho ông H bà L quản lý, sử dụng theo tỷ lệ: 50/50.

3. Về tiền lương, động sản, công sức đóng góp

3.1. Tiền lương của bà Liên theo tiêu chuẩn phu nhân 33 tháng ở Mông Cổ là: 53.992 USD tương đương 1.241.816 VND (Một tỷ hai trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm VND) và tiền của ông H 42 tháng là: 199.610 USD tương đương 4.591.030 VND. Sau khi đã trừ tiền gửi cho 2 con đi học ở Ấn Độ (2011 - 2012), tiền mua xe máy cho con gái MH và các khoản chi tiêu của vợ chồng trong thời gian đi công tác ở Mông Cổ từ 3/2010 đến 30/9/2013, thì tiền lương và thu nhập khác của 2 vợ chồng còn lại ở trong ngân hàng tại Mông Cổ là 210.000 USD tương đương là: 4.830.000.000 vnđ. (Có bản sao kê của ngân hàng của Mông Cổ khi vợ chồng bà Liên kết thúc nhiệm vào cuối tháng 9/2013 rút tiền ra chuyển khoản và mang về Việt Nam).

Tháng 10/2013, khi ông H về Việt Nam đã chi cho 2 con học ở Đức (2014 – 2018) và mua xe ô tô, xe máy, xây nhà cấp 4 ở Quảng An còn lại: 3.003.162.000 VND. Số tiền này ông H đang giữ.

3. 2. Xe ôtô Ford Everest BKS số: 29 A 843.69 và Xe máy hiệu Honda BKS số: 29 – E1 655.86 đã được định giá vào ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Tòa án quận Tây Hồ là: 200 triệu đồng. Số tiền: 3.003.162.000 VND + 200.000.000 VND = 3.203.162.000 VND, đề nghị HĐXX chia theo tỷ lệ 50/50, buộc ông H phải hoàn trả cho bà Liên số tiền lương và thu nhập khác của bà Liên mà ông H đang giữ.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bà L về phân chia Căn hộ tập thể P308 A3 Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội. Giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm số 360/2023/HNGĐ-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa về phân chia số tiền 3.003.162.000 đồng, 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội, xe Ô tô Ford Everest biển số 29A-84369 và xe Honda SH biển số 29E1-65586.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung:

1. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 03/2010 đến ngày 30/9/2013 thì ông H và bà Liên đi công tác tại Mông Cổ có trong tài khoản là 210.000 USD. Ông H đã chuyển vào tài khoản của bà ML 20.000 USD vào ngày 12/3/2013 và 100.000 USD vào ngày 25/3/2013. Khi vợ chồng ông bà kết thúc nhiệm kỳ, ông H đã rút 90.000 USD mang về Việt Nam. Việc ông H trình bày trong số 210.000 USD này có 120.000 USD là của anh em cộng đồng người Việt tại Mông Cổ gửi ông mang hộ về nước nhưng ông H không có giấy tờ chứng minh cầm hộ tiền cho người nào nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của ông H. Toàn bộ số tiền nói trên ông H giữ và quản lý. Sau khi về Việt Nam, trừ các khoản đã chi cho 2 con học ở Đức (năm 2012 đến 2018) và mua ô tô BKS 29A-843.69, xe máy BKS 29-E1-655.86, xây nhà cấp 4 ở Quảng An, còn lại 3.003.162.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 3.003.162.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng và chia cho ông Hoà, bà Liên mỗi người được hưởng 1.501.181.000 đồng và ông Hoà phải thanh toán cho bà Liên 1.501.181.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông H về phần này không được chấp nhận.

2. Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H, bà Liên đều thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, xác định 01 xe ô tô Ford Everest, BKS 29A-843.69 và 01 xe mô tô Honda SH, BKS 29-E1-655.86 có giá trị 200 triệu đồng. Hiện ông H đang quản lý, sử dụng và phải thanh toán cho bà Liên 100 triệu đồng nên đề nghị HĐXX giữ nguyên phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

3. Đối với căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên ông H và bà Liên nên cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của ông H, bà Liên là có căn cứ. Mặc dù cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc căn nhà này là của bố mẹ bà Liên sang tên cho vợ chồng ông H, bà Liên nhưng khi chia tài sản lại không xem xét đến nguồn gốc hình thành nên khối tài sản này mà chia cho ông H, bà Liên mỗi người được hưởng 50% giá trị là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, theo giấy chứng nhận thì diện tích căn hộ là 35,1m^2 nhưng cấp sơ thẩm lại xác định giá căn hộ cả phần cơi nới, làm thêm là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Liên và đề nghị HĐXX chia tài sản phần diện tích trong giấy chứng nhận cho bà Liên với tỷ lệ 65% cho bà Liên và 35% cho ông H, phần diện tích ngoài giấy chứng nhận là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị chia cho ông H, bà Liên mỗi người được hưởng 50% giá trị và giao căn hộ trên cho bà Liên được hưởng.

4. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định diện tích 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (Tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường

Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội là tài sản chung của bà Liên, ông H. Việc ông H trình bày vợ chồng ông bà chỉ có 100m^2 đất tại địa chỉ này và phần diện tích còn lại là của bà ML và ông H là không có căn cứ. Bởi lẽ, việc mua bán giữa bà Hạnh và ông Hoà, bà Liên chỉ có giấy viết tay, không có người làm chứng nhưng hiện nay giấy viết này cũng không có để xuất trình.

Tại Biên bản định giá ngày 29/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản cấp sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng đất là 252.000 đồng/m^2 theo khung giá nhà nước là không thỏa đáng. Theo thông tư liên tịch số 02 ngày 28/3/2014 của TATC-VKSTC-BTC và điểm a khoản 1 điều 20 NĐ47 ngày 15/5/2014 quy định về mức bồi thường khi thu hồi đất: "việc thu hồi có thể được hỗ trợ bằng tiền không quá 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi, ….". Do đó, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xác định giá đất đang tranh chấp với mức giá gấp 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại để đảm bảo nguồn thu cho ngân sách. Đồng thời, chia hiện vật là thửa đất này cho ông H, bà Liên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản của ông H và bà L gồm: Tiền mặt là 3.003.162.000đ, 01 xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69 và 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86, 01 căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội, 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội là tài sản chung vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét khoản tiền mặt được hình thành trong thời kỳ ông H và bà L đi công tác tại Mông cổ từ 3/2010 đến ngày 30/9/2013 tiền lương và thu nhập của ông H, bà Liên là 210.000 USD tương đương 4.883.762.000 đồng và số tiền này do ông H nhận và quản lý. Sau khi trừ các khoản đã chi cho 2 con học ở Đức (năm 2012 đến 2018) và mua ô tô biển kiểm soát 29A-843.69, xe máy biển kiểm soát 29-E1-655.86, xây nhà cấp 4 ở Quảng An, còn lại 3.003.162.000 đồng nên xác định đây là số tiền còn lại của ông H, bà Liên trong thời gian nhiệm kỳ tại Mông Cổ. Do vậy cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung của ông H và bà Liên là có căn cứ. Tuy nhiên, ông H và bà Liên đều thừa

nhận khi đi công tác ở Mông Cổ thì ông H được hưởng tiền nhiệm kỳ là 900 USD/tháng, bà Liên đi theo chế độ phu nhân cùng với ông H được hưởng 450 USD/tháng. Do đó, có căn cứ xác định ông H có đóng góp nhiều hơn bà Liên trong việc hình thành khối tài sản này nên khi chia tài sản chung đối với khoản tiền này ông H được hưởng 60% giá trị là 1.801.897.200 đồng và bà Liên được Hưởng 40% giá trị là 1.201.264.800 đồng.

Đối với chiếc xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69 và 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86 các đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội là tài sản chung vợ chồng, có nguồn gốc từ gia đình bà Liên tặng cho vợ chồng ông H bà Liên và khi phân chia tài sản đã giao cho bà Liên được sở hữu, sử dụng căn hộ này là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi phân chia tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia cho ông H bà Liên mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản là không xem xét đến nguồn gốc hình thành nên tài sản này. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Liên. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính cả phần làm thêm ngoài giấy chứng nhận với mức giá theo kết quả định giá là không phù hợp. Do đó, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chỉ tính khối tài sản này bà Liên được hưởng 60%, ông H được hưởng 40% giá trị tài sản này trong giấy chứng nhận. Phần tài sản nằm ngoài giấy chứng nhận của căn hộ này ông H và bà Liên được hưởng mỗi người 50% giá trị. Theo Giấy chứng nhận thì căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội chỉ có diện tích là 35,1m^2 nhưng cấp sơ thẩm khi xác định giá trị tài sản lại tính toàn bộ diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận là chưa chính xác. Do đó, cần xác đinh lại giá trị căn hộ gồm: Giá trị căn hộ 25.000.000 đồng x 35,1 m^2 = 877.500.000 đồng, trong đó bà Liên được hưởng 60% là 526.500.000 đồng, ông H được hưởng 40% là 351.000.000 đồng. Giá trị xây dựng phần cơi nới: 32.157.940 đồng, trong đó mỗi người được hưởng 50% là 16.218.470 đồng. Tổng giá trị căn hộ và tài sản là: 909.936.940 đồng. Bà Liên được hưởng là 542.718.470 đồng, ông H được hưởng là 367.218.470 đồng.

Đối với nhà đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung của ông H và bà Liên và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà ML và ông H xác nhận 100m^2 đất (phía ngoài) trong tổng số 200m^2 (hiện còn 176,9m^2) đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội là của bà ML và ông H mua của bà MH2ngày 12/10/2006 là có căn cứ.

Căn cứ vào giấy xác nhận đăng ký đất đai số 755/GXN-CNQTH ngày 10/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh Tây Hồ thể hiện chủ sử dụng đất là bà L và ông H, tại địa chỉ tổ 18 (tổ 6 mới) phường Quảng An, quận Tây Hồ, có diện tích 176,9m^2 là đất nông nghiệp.

Căn cứ vào công văn số 714/UBND(ĐC) ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường Quảng An, quận Tây Hồ thể hiện: Theo Quyết định số 47/2001/QĐ-UB ngày 29/6/2001 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết quận Tây Hồ, Hà Nội, tỷ lệ 1/2000 (phần quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông) thì vị trí đất của ông H và bà Liên đang sử dụng thuộc quy hoạch cây xanh.

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu thì thửa đất này là đất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong quy hoạch cây xanh nên Hội đồng định giá đã định giá tài sản theo đúng quy định pháp luật. Mặt khác tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự cũng thống nhất với quyết định của hội đồng định giá cấp sơ thẩm và không có ý kiến thắc mắc gì.

Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận nên không thể giao dịch trên thị trường nên hội đồng định giá cấp sơ thẩm căn cứ vào mức giá của UBND thành phố Hà nội là có căn cứ. Việc đại diện VKS đề nghị phải tính mức giá gấp 5 lần khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp theo nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của chính phủ quy định về về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Vì trên thực tế việc thu hồi đất chưa diên ra nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã mức trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau nên đã được Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà Liên căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa đã được cấp giấy chứng nhận là thỏa đáng. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm lại chia cho bà Liên một phần thửa đất ở cạnh phần đất ông H được chia là ảnh hưởng đến cuộc sống sau này của hai bên. Mặt khác thửa đất này là đất nông nghiệp, nằm trong quy hoạch cây xanh nên ông H đề nghị được nhận toàn bộ thửa đất này. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm giao cho ông H toàn bộ thửa đất tại Quảng An là có căn cứ và thỏa đáng.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ông H đã trên 60 tuổi và không phải chịu án phí nhưng cấp sơ thẩm vẫn buộc ông H phải chịu là không đúng quy định nên cần thiết sửa án sơ thẩm miễn án phí đối với ông H.

Về án phí: Ông H không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Bà Liên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và một phần kháng cáo của bà L. Sửa Bản án sơ thẩm số 360/2023/HNGĐ - ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội như sau:

1.1. Chấp nhận đơn ly hôn của ông H đối với bà L. Ông H được ly hôn đối với bà L.

1.2. Về con chung: Xác nhận bà L và ông H có 02 con chung là: MH, sinh năm 1991 và MH1, sinh năm 1997. Các cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ly hôn bà Liên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

1.3. Về tài sản chung: Xác nhận bà L và ông H có những tài sản chung gồm:

- Tiền mặt: 3.003.162.000đồng *(Ba tỷ không trăm lẻ ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* là tiền lương, thu nhập trong thời gian đi nhiệm kỳ tại Mông Cổ hiện tại do ông H đang quản lý, sử dụng.

- 01 xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69

- 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86.

- 01 căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

- Diện tích 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Tổng giá trị tài sản: **4.339.706.940 đồng** *(Bốn tỷ ba trăm ba mươi chín triệu bảy trăm linh sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng).*

Phân chia cụ thể như sau:

- Số tiền mặt 3.003.162.000 đồng *(Ba tỷ lẻ ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* ông H đang quản lý. Ông H được hưởng 60% là 1.801.897.000 đồng *(một tỷ tám trăm linh một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).* Bà L được hưởng 40% là 1.201.264.800 đồng *(Một tỷ hai trăm linh một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng)*. Ông H phải thanh toán cho bà L số tiền 1.201.264.800 đồng *(Một tỷ hai trăm linh một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng).*

- Ông H được sở hữu 01 xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69 và 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86 có giá trị 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Ông H phải thanh toán cho bà L số tiền: 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng).*

- Bà L được quyền sở hữu đối với căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh

Quang, quận Đống Đa, Hà Nội có giá trị là 909.936.940 đồng *(chín trăm linh chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng)*. Bà L phải thanh toán phần tài sản của ông H trị giá số tiền là 367.218.470 đồng *(Ba trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm bảy mươi đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà L có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đất đai để hoàn tất thủ tục sang tên căn hộ trên theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao cho ông H được quản lý, sử dụng 176,9m^2 đất và nhà tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội giá trị 226.608.000 đồng *(Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng)*. Ông H phải chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu. Ông H phải thanh toán phần giá trị tài sản cho bà L số tiền là 113.304.000 đồng *(Một trăm mười ba triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng).*

Đối trừ phần giá trị tài sản chênh lệch, ông H phải thanh toán cho bà L số tiền 1.047.350.330 đồng *(Một tỷ bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm ba mươi đồng)*.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà ML và yêu cầu của ông H về việc chia 88,45m^2 đất tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.5. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

1.6. Về nợ: Bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán và tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008576 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Ông H không phải chịu án phí chia tài sản sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Trả lại ông H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 71948 ngày 19 /5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

Bà L phải chịu 70.718.618 đồng án phí chia tài sản sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 36.700.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009209 ngày 24/9/2019 và biên lai số 71979 ngày 26/5/2023 tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Bà Liên còn phải chịu 33.718.618 đồng *(Ba mươi ba triệu bảy trăm mười tám nghìn sáu trăm mười tám đồng)* án phí .

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa, HN;
- Chi cục THADS quận Đống Đa, HN;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa, HN;
- Chi cục THADS quận Đống Đa, HN;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHIÊN TÒA **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Chia giá trị:

Giá trị tài sản ông H được chia: Tiền mặt: 1.801.897.000 đồng. Ô tô và xe máy: 100.000.000 đồng. Căn hộ Vĩnh Hồ: 367.218.470 đồng. Nhà đất ở Quảng An: 113.304.000 đồng. **Tổng giá trị: 2.382.419.670 đồng.**

Giá trị tài sản bà L được chia: Tiền mặt: 1.201.264.800 đồng. Oto và xe máy: 100.000.000 đồng. Căn hộ Vĩnh Hồ: 542.178.470 đồng. Nhà đất ở Quảng An: 113.304.000 đồng. **Tổng giá trị: 1.957.287.270 đồng.**

Chia hiện vật:

Tổng giá trị ông H được hưởng: Số tiền mặt: 3.003.162.000 đồng + Ô tô và xe máy: 200.000.000 đồng + Nhà đất ở Quảng An: 226.608.000 đồng. Tổng giá trị: 3.429.770.000 đồng.

Tổng giá trị bà L được hưởng: Căn hộ Vĩnh Hồ: 909.936.940 đồng.

H	Liên
- Đối với số tiền **3.003.162.000 đồng** mỗi người được hưởng 1/2 là 1.501.181.000 đồng. Ông H phải thanh toán cho bà L **1.501.181.000 đồng**. - Đối với 01 xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát 29A-843.69 và 01 xe mô tô Honda SH, biển kiểm soát 29-E1-655.86 giao ông H được sở hữu, phải thanh toán **100.000.000 đồng**. bà L thanh toán 683.750.000 đồng. 88,45m2x 2=176,9m2 x 252.000đ=44.578.000đ Ông H được diện tích 88,45m^2 đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3', 6', 1 tại tổ 18 (tổ 6 mới) ngõ 238 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong đó có các công trình gồm: - Một nhà gạch mái tôn có diện tích 44.5m^2. Giá trị 44.5m^2 x 2.538.000 đồng = 79.058.000 đồng. - Một sân gạch 30x30 diện tích 13.0m^2. Giá trị 13.0m^2 x 281.000 đồng = 3.653.000 đồng. - Một mái vảy tôn có diện tích 18.7m^2. Giá trị 18.7m^2 x 1.267.000 đồng = 23.692.900 đồng. - Hai cửa sắt có diện tích 13.8m^2. Giá trị 13.8 x 527.000 đồng = 7.272.600 đồng. - Phần tường bao tương ứng với phần diện tích đất được chia. Tổng : 113.676.500 đồng. Đất: 252.000đ/m2 Ông H phải thanh 59.466.700 đồng.	Ông H phải thanh toán cho bà L 1.501.181.000 đồng. Ông H thanh toán cho bà L 100.000.000 đồng. Đối với 01 căn hộ P308A3 Tập thể Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có giá trị 1.367.500.000đ giao bà L được quyền sở hữu nhưng phải thanh toán cho ông H phần trị giá là 683.750.000 đồng. Bà L 88,45m^2 Trong đó có các công trình gồm: - Một sân gạch 30x30 có diện tích 31.0m^2. Giá trị 31.0m^2 x 281.000 đồng = 8.711.000 đồng và một phần sân gạch có diện tích 7.0m^2. Giá trị 7.0m^2 x 281.000 đồng = 1.967.000 đồng. - Một mái vảy tôn có diện tích 15.7m^2. Giá trị 15.7 x 1.267.000 đồng = 19.891.900 đồng. - Một cửa sắt có diện tích 7.4m^2. Giá trị 7.4m^2 x 527.000 đồng = 3.899.800 đồng. - Phần tường bao tương ứng với phần diện tích đất được chia. Tổng giá trị công trình xây dựng của bà Liên là 34.469.700 đồng.